

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
HỘI ĐỒNG THI: HĐ TRƯỞNG THPT LẮK

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm U.T	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
1	42000	H Ân Không	05/06/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	4	5.42	1.25	1.0		11.67	
2	42000	Y Đoàn Mòn	22/09/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	3	2.5	0.5	1.0		7.00	
3	42000	Y Kiên Liêng Hót	05/10/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	3.75	2.75	0.5	1.0		8.00	
4	42000	H Liên Long Ding	14/03/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	3.5	5	2.25	1.0		11.75	
5	42000	H Lim Bhok	22/10/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	3.75	5.75	2.25	1.0		12.75	
6	42000	H Luê Dưng	14/06/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	3	4.75	1.5	1.0		10.25	
7	42000	H Nhan Dak Cắt	31/03/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	3	6	3	1.0		13.00	
8	42000	Y Sừu Jiê	10/02/200	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	3.5	6	2	1.0		12.50	
9	42001	Mai Kim Ai	08/05/200	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3.75	4.5	0.5	1.0		9.75	
10	53044	Bùi Phan Bình An	14/08/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	4.5	7	5			16.50	
11	42001	Nguyễn Hoài An	30/06/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	5.25	7.75	6.75			19.75	
12	42002	H Ân Phốc	26/06/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3.25	5.5	1.25	1.0		11.00	
13	42002	H Ân Liêng Hót	15/08/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	2.25	3.75	1.25	1.0		8.25	
14	53001	Huỳnh Trần Tuấn Anh	06/09/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	9	8	8.5	1.0		26.50	
15	42001	Đặng Lương Hiếu Anh	21/09/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	5.25	7	7			19.25	
16	42001	Lê Quỳnh Anh	27/02/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	5.25	8	5.25	1.0		19.50	
17	42001	Bùi Mai Anh	02/04/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	6.25	6.75	4.75			17.75	
18	42001	Trà Văn Anh	12/02/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	6	7.5	5.25			18.75	
19	42002	Lê Thị Kim Anh	17/12/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	4.75	6.25	5.75	1.0		17.75	
20	42001	Nguyễn Thị Ngọc Anh	31/01/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắk	5.75	8.25	4			18.00	
21	42001	Nguyễn Trâm Anh	21/05/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắk	3.75	7.5	5.25			16.50	
22	42001	Nguyễn Quỳnh Anh	21/05/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắk	4.75	6.5	2.75			14.00	
23	42002	Đặng Lâm Phương Anh	01/10/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	2.75	6.25	2.25	1.0		12.25	
24	42001	Lưu Đặng Quỳnh Anh	16/01/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắk	3.25	6	1.5			10.75	
25	42002	Nguyễn Ngọc Anh	06/12/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	9	5.75	7.5	1.0		23.25	
26	42002	Nông Thị Ngọc Anh	16/11/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	3.5	4.75	4.25	1.0		13.50	
27	42002	H Anh Sal Ênuol	03/02/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3.75	5.92	1.75	1.0		12.42	
28	42002	Y Anh Bđap	02/02/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	2	3.75	1.5	1.0		8.25	
29	42002	H' Anh Du	12/10/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	4	6.25	2.75	1.0		14.00	
30	42003	Y Phú Ê Ban	01/03/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắk	3.25	6.75	3	1.0		14.00	
31	42003	Phạm Nhật Gia Bảo	21/06/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	4.25	6.75	4			15.00	
32	42003	Trần Gia Bảo	19/04/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	4.5	6	3.75			14.25	
33	42003	Trần Gia Bảo	05/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	2.25	7.75	3.25	1.0		14.25	
34	42003	Phạm Quốc Bảo	29/10/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	4	3.75	4.5	1.0		13.25	
35	42003	Hồ Phi Bảo	08/03/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	3.75	7.5	2.25			13.50	
36	42003	Nguyễn Khắc Gia Bảo	15/05/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắk	3.75	6.5	0.75			11.00	
37	42003	Nguyễn Chí Bảo	06/10/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	2.75	4	5			11.75	
38	42004	Nguyễn Hoàng Bảo	31/07/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	7.75	6.83	7.25			21.83	
39	42004	H Bát Bhok	11/11/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	1.25	1.75	0.25	1.0		4.25	
40	42004	Nguyễn Thị Ngọc Bích	17/02/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắk	3.5	4.25	2.5			10.25	
41	42004	H Bích Cũ	03/12/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	1.25	2.25	0.25	1.0		4.75	
42		Y - Biên Triэк	12/10/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk				1.0		1.00	
43	42004	H Bô Ra Buôn Krông	28/06/200	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	2.25	3.25	0.5	1.0		7.00	
44	42004	H Cam Kuan	04/03/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	5	4.75	0.75	1.0		11.50	
45		H Canh Du	10/03/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk				1.0		1.00	
46	42004	Kiểu Quốc Cảnh	13/11/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	2	4.58	2.5	1.0		10.08	
47	42004	Y Cảnh Triэк	02/11/200	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	3.25	0.75	0.25	1.0		5.25	
48	42005	H Chân Tor	01/07/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	4	6	3.75	1.0		14.75	
49	42005	Lê Thị Bảo Châu	27/02/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	3.25	6.5	6.75	1.0		17.50	
50	42005	H Châu Liêng	20/01/200	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	2.5	4	1.5	1.0		9.00	
51	42005	Y Chiến Bđap	24/08/200	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	2.25	3.25	0.5	1.0		7.00	
52	42005	H Chin Nôm	23/02/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	5	7.75	7	1.0		20.75	
53	42005	Nguyễn Thành Công	31/01/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	4	5.75	4	1.0		14.75	
54	42005	Nguyễn Đoàn Cư	05/08/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	3	6.5	4	1.0		14.50	
55		H - Cúc Không	25/07/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk				1.0		1.00	
56	42005	Trần Đức Cường	11/01/201	TRƯỜNGTHI THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắk	4.5	5	4	1.0		14.50	
57	42009	H Đài Jiê	22/11/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	2.25	6.25	5.5	1.0		15.00	
58	42006	H Dân Liêng	14/10/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	3	2	0.25	1.0		6.25	
59	42009	Huỳnh Linh Đan	14/08/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	7.5	6.5	6.5			20.50	
60	42006	Huỳnh Văn Danh	24/05/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	6.5	6.25	8.5	1.0		22.25	
61	42009	Nông Thị Xuân Đào	03/02/201	TRƯỜNGTHI THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắk	4.5	4.75	1	1.0		11.25	
62	42009	H Đào Lứk	07/12/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	2.5	2.5	0.25	1.0		6.25	
63	52013	H Đarim Uông	22/04/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	3	5	0.5	1.0		9.50	
64	42009	Trần Hữu Đạt	07/05/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	6	7.5	6.25	1.0		20.75	
65	42010	Cao Tiến Đạt	19/11/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	2.75	5.25	3.25	1.0		12.25	
66	42010	Y Đạt Ông	23/11/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	2.5	3.5	0.5	1.0		7.50	
67	42010	Y' Đạt Kbuor	17/09/200	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	1.5	2.75	0.5	1.0		5.75	
68	42010	H Đêm Ênuol	06/07/200	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	2.5	3.25	0.5	1.0		7.25	
69	42006	H' Diêm Pang Ting	14/04/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	2.25	1.75	0.5	1.0		5.50	
70	42006	H Diêm Tor	18/07/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	2	1	0.25	1.0		4.25	
71	42006	H Diệp Liêng	29/05/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	3.5	6	3	1.0		13.50	
72	42010	Trần Hùng Diệp	02/09/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	4.25	5.75	4.5	1.0		15.50	
73	42006	Nguyễn Phan Diệu An	05/09/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	2.5	7.5	8	1.0	0.5	19.50	
74	42006	H Dim My Liêng	27/12/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	2	3.25	0.25	1.0		6.50	
75	42007	H Díp Cil	02/10/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	3	4.25	1	1.0		9.25	
76	42007	H' Diu Bđap	06/10/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	4.5	5.5	2.25	1.0		13.25	
77	42007	H Doan Jiê	07/12/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	1.75	4.75	0.25	1.0		7.75	
78	42010	Lê Bảo Đoàn	31/08/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3.5	3.5	1.75	1.0	1.0	10.75	
79	42007	Vũ Tấn Doanh	16/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	2.75	5	1.75	1.0		10.50	
80	42010	Lê Bá Phương Đông	14/07/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	5.25	6.5	5.25	1.0		18.00	
81	42010	Y Đông Đắk Cắt	24/04/200	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	2.25	2.5	0.25	1.0		6.00	
82	42007	H Du Lê Vi	03/01/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3.25	3.5	0.5	1.0		8.25	

83	42007	Y Du Ông	14/12/200	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	2.25	1.5	0.5	1.0		5.25	
84	42009	H Du Bkrông	28/09/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	1.75	3.25	0.25	1.0		6.25	
85	42007	H Du Mi Sruk	06/08/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	2.75	1.75	0.25	1.0		5.75	
86	42007	H Du Na Lurk	22/10/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.75	4.25	2.5	1.0		11.50	
87	42010	Trần Tuấn Đức	15/11/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	3.25	4	2.25	1.0		10.50	
88	42007	Trần Anh Dũng	28/12/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	6	5.25	3.75	1.0		16.00	
89	42008	Nguyễn Văn Dũng	05/05/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	4.25	5	5.5	1.0		15.75	
90	42008	Tổng Quang Dũng	12/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	6	4.25	3.25	1.0		14.50	
91	42007	Huỳnh Văn Dũng	18/04/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	4	6.5	1.75			12.25	
92	52011	Y Dũng Teh	01/08/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.25	6	3.25	1.0		13.50	
93	42009	Nguyễn Thị Thủy Dương	20/10/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắc	4.75	7	5			16.75	
94	42009	Nguyễn Thị Thủy Dương	03/08/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắc	2.75	5.75	3.25			11.75	
95	42009	Phạm Quang Dương	22/10/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	3.75	4	1.25	1.0		10.00	
96	42008	Nguyễn Văn Duy	27/10/201	TRƯỜNG THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắc	3.25	5.25	3.75	1.0		13.25	
97	42008	Nguyễn Công Duy	28/07/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.5	4.25	3			10.75	
98	42008	Y Duy Ông	01/05/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	1.5	2.5	2	1.0		7.00	
99	42008	Y - Duy Liêng	24/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	4	3.25	1	1.0		9.25	
100	42008	Cao Mỹ Duyên	16/07/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	10	9	8.25			27.25	
101	42008	H Duyên Dũng	18/12/200	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	2.5	3.75	2	1.0		9.25	
102	42008	H Duyên Lurk	22/04/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	4.75	1	1.5	1.0		8.25	
103	42008	H Duyên Bkrông	21/01/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	4	2	0.25	1.0		7.25	
104	42009	H Duyệt Du	06/01/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	3.5	5.75	2.75	1.0		13.00	
105	52016	H Famy Du	12/01/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	2.75	4.75	1.75	1.0		10.25	
106	42011	Y Gia Du	28/11/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.5	4.5	1.75	1.0		10.75	
107	42011	H' Gia Min Phok	14/02/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	3	3.75	1.75	1.0		9.50	
108	42011	Ta Lê Thuỷ Hà	28/06/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	8.75	8.75	8.75	1.0		27.25	
109	42011	Nguyễn Phan Như Hà	09/11/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	3.5	5.25	3.75	1.0		13.50	
110	42011	Nguyễn Thị Thanh Hà	28/09/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	3.25	5.75	2.75	1.0		12.75	
111	42011	H' Hà Pang Ting	10/01/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	3	3.75	2.25	1.0		10.00	
112	42011	Y Hà Tơ	21/02/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	2.5	3.25	1	1.0		7.75	
113	42011	Y Ha Gin Tơ	29/08/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	3	4.25	0.25	1.0		8.50	
114	42011	Vũ Nam Hải	10/11/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	9.25	7.75	8.5			25.50	
115	42012	Y Han Phok	18/01/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	2.75	5	1.75	1.0		10.50	
116	53047	Trương Thị Ngọc Hân	25/08/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	2.5	7	7.75	1.0		18.25	
117	42013	Nguyễn Vũ Ngọc Hân	21/12/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	6.25	8	5			19.25	
118	42013	Nguyễn Gia Hân	14/03/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	7.25	6.75	4			18.00	
119	42013	Phạm Ngọc Hân	11/07/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	4.25	5.75	4.5	1.0		15.50	
120	42013	Trần Nguyễn Ngọc Hân	14/03/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.5	4	3.75			11.25	
121	42013	Nguyễn Thị Ngọc Hân	02/11/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	3.25	4.75	3.25	1.0		12.25	
122	42013	Nguyễn Lê Ngọc Hân	16/07/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.25	5.75	2.5			11.50	
123	42013	Dương Thị Nhã Hân	14/11/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	2.5	5	2.75			10.25	
124	42013	Trần Thị Gia Hân	28/10/200	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	4.75	2	2.75			9.50	
125	52019	H Han Yong Hy Sruk	04/03/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	3.5	5.5	1.25	1.0		11.25	
126	42012	Đặng Bạch Hằng	01/12/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	8.5	6.75	8.75			24.00	
127	42012	Phạm Thanh Hằng	25/02/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	5.5	6.5	4.5	1.0		17.50	
128	42013	Nguyễn Thị Thanh Hằng	17/02/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	4	4.75	5	1.0		14.75	
129	42013	Trần Thị Hằng	26/06/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	3	4.25	1	1.0		9.25	
130	42012	Vũ Thị Mỹ Hạnh	20/03/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.75	5.75	2			11.50	
131	42012	Vũ Lê Mỹ Hạnh	26/01/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	2.75	5.75	1.75	1.0		11.25	
132	42012	H Hạnh Sruk	17/10/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3	3.75	0.5	1.0		8.25	
133		Trần Thị Hạnh	01/04/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc				1.0		1.00	
134	42012	Đoàn Trương Ngọc Hào	19/11/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.25	5	3.25			11.50	
135		H Hào Bkrông	11/01/201	PTĐT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắc				1.0		1.00	
136	42012	Y Hao Hmok	03/01/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	2.75	5	5.75	1.0		14.50	
137	42012	H Happy Bkrông	06/05/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	4	6.5	3.5	1.0		15.00	
138	42014	Phạm Thị Thúy Hậu	07/11/201	TRƯỜNG THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắc	2.25	6.75	1.25	1.0		11.25	
139	42014	H Hê Chu Long Đình	01/03/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.25	6	1	1.0		11.25	
140	42014	H' Hên Pang Ting	05/09/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	3.75	4	1	1.0		9.75	
141	42014	Lê Thị Thanh Hiền	16/03/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	8.75	8	6.75	1.0		24.50	
142	42014	H Hiền Hmok	04/07/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	4.25	6.5	4	1.0		15.75	
143	42014	Trần Đức Hiếu	05/02/201	TRƯỜNG THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắc	3.5	5.75	5.5	1.0		15.75	
144	42014	Nguyễn Võ Quốc Hiếu	23/01/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	5.25	6	3	1.0		15.25	
145	42014	Bùi Xuân Hiếu	04/09/201	TRƯỜNG THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắc	3	6.5	3.5	1.0		14.00	
146	42015	Vũ Quang Hiếu	28/11/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.5	5.25	3.25	1.0		13.00	
147	42015	Bùi Thọ Trần Hiếu	15/11/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắc	3.5	7.25	2		1.0	13.75	
148	42014	Lê Thanh Hiếu	25/04/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	4.5	5.5	3.5	1.0		14.50	
149	42015	Nguyễn Khắc Hiếu	28/01/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắc	1.25	6.5	1.75			9.50	
150	42015	Phạm Thị Thanh Trúc Hmok	20/05/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắc	3.5	7.5	4	1.0		16.00	
151	42015	Nguyễn Phạm Hồng Hoa	14/07/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	4.25	6.75	7.25			18.25	
152	42015	H Hoa Nôm	24/06/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.5	6	2.75	1.0		13.25	
153	42015	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa	03/05/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.25	5.5	2.25			11.00	
154	42015	H Hoa Phok	29/12/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.25	5.75	0.75	1.0		10.75	
155	42015	Trần Thị Khánh Hòa	08/02/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	4.5	6	6.25	1.0		17.75	
156	42015	H Hoài Ông	28/04/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.25	3.75	2	1.0		10.00	
157	52022	Y' Hoài Phú Rơ Yam	27/02/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.5	4.5	1.25	1.0		10.25	
158	42016	Y Hoan Niê	18/09/200	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	3.75	4	2.75	1.0		11.50	
159	42016	H Hoan Hmok Ông	06/03/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	2.5	6.5	1	1.0		11.00	
160	42016	Y Vũ Hoàng Buôn Dap	20/11/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	2.75	4.75	0.5	1.0		9.00	
161	42016	Đào Văn Huân	21/07/201	TRƯỜNG THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắc	3	5	1	1.0		10.00	
162	42016	H Huệ Đắc Cát	10/12/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.25	5	1.5	1.0		10.75	
163	52023	H - Bích Huệ Liêng	26/08/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	3.5	5.25	2.75	1.0		12.50	
164	42016	H Huệ Bkrông	12/12/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	3	5.5	0.5	1.0		10.00	
165	42016	Liêng Thị Huệ Cìl	17/08/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	3	3	1.5	1.0		8.50	
166	42018	Đặng Quốc Hưng	16/07/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CÀNH	Huyện Lắc	6.25	7.75	8		1.0	23.00	
167	42017	Trần Văn Huy	21/08/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	6.25	6	4.5	1.0		17.75	
168	42017	Nguyễn Hữu Huy	01/09/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	3	5.75	7.25	1.0		17.00	
169	42017	Phạm Minh Bảo Huy	20/03/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.25	4	1.75	1.0		10.00	
170	42017	Y Huy Ông	14/02/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.25	2.5	0.5	1.0		7.25	
171		Vô Công Huy	21/09/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc				1.0		1.00	
172	42017	Lương Gia Huy Ênuol	03/06/200	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.5	3.5	0.5	1.0		8.50	

173	42017	Trương Thị Thanh Huyền	04/04/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3.75	5.5	3.25	1.0		13.50	
174	42017	H Huyền Kman	10/04/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	4.25	6.5	1.75	1.0		13.50	
175	42017	H Huyền Kman	08/05/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	2	4	1	1.0		8.00	
176	42018	H Hy Kman	01/12/201	THCS Nguyễn Việt Xuân	Huyện Lắk	5.25	7.25	4.5	1.0		18.00	
177	42018	H Iong Bkrong	29/06/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	3.25	3	2.25	1.0		9.50	
178	52024	Luk Ja Rim Dak Cat	02/08/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	4.25	6.75	1	1.0		13.00	
179		H - Ju Ly Buon Krong	13/05/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk				1.0		1.00	
180		H - Ju Ni Buon Krong	13/05/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk				1.0		1.00	
181	42018	Nguyễn Đức Nguyễn Khang	05/04/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	7.5	7	8.5			23.00	
182	42018	Nguyễn Phúc Khang	02/01/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	4	6.25	3.25			13.50	
183	42018	Nguyễn Tấn Khang	26/07/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	4.25	4.75	2	1.0		12.00	
184		Nguyễn Lê Hoàng Khang	02/04/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk				1.0		1.00	
185	52026	Nguyễn Bảo Gia Khánh	15/06/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	4	7.25	4	1.0		16.25	
186	42018	Nguyễn Nam Khánh	08/02/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắk	4.75	7.25	4.25			16.25	
187	42019	Hoàng Duy Khánh	13/09/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	3	5.5	2.25	1.0		11.75	
188	42019	Đỗ Duy Khánh	13/01/201	TRƯỜNG TH THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắk	2.25	7	1	1.0		11.25	
189	42019	Nguyễn Duy Khánh	26/08/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	3.25	3.75	2.5	1.0		10.50	
190	42019	Y Khánh Eung	02/09/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	3	5.25	1.75	1.0		11.00	
191	42019	Nguyễn Minh Kiệt	22/02/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	2.75	6.75	3.5	1.0		14.00	
192	42019	Nguyễn Đình Đăng Khoa	29/05/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	8.5	8	8.25			24.75	
193	42019	Trần Xuân Anh Khoa	30/09/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	5.75	7	6			18.75	
194	42019	Y Khoa Du	02/05/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	3.25	6	1.5	1.0		11.75	
195	42020	Lý Tư Khoa	15/08/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3.5	5	1.5	1.0		11.00	
196	42019	Dương Nguyễn Anh Khoa	09/06/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	2	5	4.25			11.25	
197	42020	Trần Minh Khôi	01/01/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3.75	4.25	5	1.0		14.00	
198	42020	Y Khôi Ha Troi	26/12/200	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	3.5	3	1.5	1.0	0.5	9.50	
199		Y - Khuron Lieng Hót	20/01/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk				1.0		1.00	
200	42020	H Khuyen Luk	07/12/200	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	4	3.5	1.5	1.0		10.00	
201	42020	Hoàng Lý Khuyển	16/08/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3	4.25	3.75	1.0		12.00	
202	42020	H Kiêm Sruk	17/10/200	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	3.25	2.5	0.25	1.0		7.00	
203	42020	Lê Bá Kiên	05/01/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	3.5	5.25	3.75			12.50	
204	42020	Đinh Văn Kiên	25/03/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	2.5	4.5	1.75	1.0		9.75	
205	42020	Võ Ngọc Kiệt	08/12/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3.25	5	4.25	1.0		13.50	
206	52027	H Kiều Dak Cat	28/08/200	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	3	4.25	1.25	1.0		9.50	
207	42021	Bùi Thị Thư Kỳ	16/06/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3.25	3	3.75	1.0		11.00	
208		Đỗ Cao Kỳ	19/03/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk						0.00	
209	42021	Trương Văn Lam	25/03/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3	7.25	3.75	1.0		15.00	
210		Lý Diệu Lam	29/09/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk				1.0		1.00	
211	42021	Trần Mai Anh Lâm	14/06/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	5.25	6	7			18.25	
212	42021	Khánh Lâm Hmók	01/06/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	2.5	3	1.25	1.0		7.75	
213	42021	H Lê Hduê	24/01/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	3.25	4.25	2.5	1.0		11.00	
214	42021	H Lê Liêng	17/06/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	3	3.75	0.75	1.0		8.50	
215	42021	H Lê A Bdap	10/06/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	4.5	6.75	4.5	1.0		16.75	
216	42021	H Lê A Sruk	29/11/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	1.5	4	0.25	1.0		6.75	
217	52030	H Lê A Sruk	28/06/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk	3.5	5.25	2.25	1.0		12.00	
218	52030	H Lịch Liêng Hót	01/09/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	3.5	4.25	2	1.0		10.75	
219	42021	H Liên Môn	28/08/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	1.75	5.5	2.25	1.0		10.50	
220	42022	H Liễu Môn	20/10/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	3.5	4.75	1	1.0		10.25	
221	42022	H Lin Đa Khuôr	13/07/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	3	2.75	0.5	1.0		7.25	
222	42022	Mai Lê Ngọc Linh	15/03/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	4.75	8.5	8.5			21.75	
223	42022	Nguyễn Thị Khánh Linh	21/03/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	5.25	7.25	8			20.50	
224	42022	Khắc Trịnh Yên Linh	12/02/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	4.5	7.25	5.25	1.0		18.00	
225	42022	Nguyễn Thị Thủy Linh	12/05/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	3.5	7	6.5			17.00	
226	42022	Lê Hoàng Thảo Linh	10/06/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	3.25	7.75	4.5			15.50	
227	42022	Nguyễn Diệu Linh	06/03/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	2.75	6	4			12.75	
228	42022	H Lisa Liêng	17/07/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	2.25	2.25	1	1.0		6.50	
229	42023	H Liza - Buon Dap	25/10/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	2.5	4.75	2.25	1.0		10.50	
230	42023	H Loan Ro Yam	27/03/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	2.75	2.75	1.25	1.0		7.75	
231	42023	Trần Thị Cẩm Loan	07/11/201	TRƯỜNG TH THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắk	3.5	7	1.75	1.0		13.25	
232	42023	Nguyễn Sỹ Lộc	01/01/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	7	8.25	8.75			24.00	
233	42023	Phan Hoàng Long	29/07/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	2	7	3.75			12.75	
234	42023	Đinh Hải Long	30/09/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	4	5.5	3.5			13.00	
235		Ngân Thành Long	05/10/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk				1.0		1.00	
236	52032	Y Luật Hlong	16/04/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	2	4.25	3.5	1.0		10.75	
237	42023	Y Lực Liêng	06/04/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	2	5.25	0.5	1.0		8.75	
238	42023	Nguyễn Văn Lưu	12/08/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	4	4.75	4.25	1.0		14.00	
239	42023	Y Lưu Buon Dap	28/09/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	2	1	0.25	1.0		4.25	
240	42024	Trần Thị Lưu Ly	07/10/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	2.75	7.25	4.5			14.50	
241	42024	Phạm Thị Cẩm Ly	12/11/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắk	4	7.5	3.25			14.75	
242	42024	H Ly Liêng Hót	16/08/201	THCS Nguyễn Việt Xuân	Huyện Lắk	2	5.25	1	1.0		9.25	
243	52033	H Lysen Liêng Hót	01/08/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	3	3.75	1.75	1.0		9.50	
244	42024	Bùi Ngọc Mai	01/02/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	4.75	6.08	7.5			18.33	
245	42024	Ngô Thị Quỳnh Mai	13/04/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3.25	5.83	5	1.0		15.08	
246	42024	Phan Thanh Mai	19/11/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	3.5	6.25	3.5			13.25	
247	42024	Tôn Thất Mạnh	19/05/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	5.25	4.75	3.75			13.75	
248	42024	Võ Văn Mạnh	27/05/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	2.5	5.25	5	1.0		13.75	
249	52034	Y Mạnh B Krông	19/07/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	2.5	5.5	2	1.0		11.00	
250	42025	H Mên Cui	23/01/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	1.75	1.75	0.5	1.0		5.00	
251	52034	H Mên Kman	07/02/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk				1.0		1.00	
252	42025	H Mên Kman	19/09/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3.25	4.5	1	1.0		9.75	
253	42025	H Mi Hào Pang Trông	24/10/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	4.25	5.5	1.5	1.0		12.25	
254	52034	Y Mi Xa Liêng	07/01/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	3.5	4.75	1.25	1.0		10.50	
255	42025	H Mián Bkrông	02/02/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	2.5	5.5	0.5	1.0		9.50	
256	42025	Mai Đình Minh	20/04/201	THCS NGUYỄN TRÁI	Huyện Lắk	9.5	7	7.25			23.75	
257	42025	Sầm Văn Minh	27/03/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	4.75	6	7.25	1.0		19.00	
258	42025	Đinh Quang Minh	27/07/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	5.75	6	6.5	1.0		19.25	
259	42025	Nguyễn Hữu Minh	17/09/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắk	3	7.5	3.75			14.25	
260	42025	Y Mói Sê Liêng	03/09/200	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	1.5	3	0.5	1.0		6.00	
261	42026	Y Mông Du	22/02/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	3.5	3	0.5	1.0		8.00	
262	42026	Triệu Trà Mỹ	21/08/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	7	8	6.75	1.0		22.75	

263	42026	Hà Phạm Minh My	09/10/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	6	6,5	5	1,0		18.50	
264	42026	Nguyễn Thị My	20/10/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	5.25	8	5.75	1,0		20.00	
265	42026	Đào Thị Lê Na	16/05/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	3	6.75	2.25	1,0		13.00	
266	42026	Phạm Thị Ly Na	12/04/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	2.75	5.25	4.25	1,0		13.25	
267		H' Na Hy Búc	29/10/200	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc				1,0		1.00	
268	42026	H Nali Dăk Căt	22/07/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3	4.25	0.75	1,0		9.00	
269	42026	Phạm Bảo Nam	11/09/201	TRƯỜNG THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắc	2.75	6.25	3.5	1,0		13.50	
270	42027	H Năng Teh	05/01/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.25	6	2	1,0		12.25	
271	42027	H Ne Ông	13/09/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	2.75	3.5	0.75	1,0		8.00	
272	42027	H Nê Ra Ndu	03/07/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	3.25	5	1.75	1,0		11.00	
273	42027	H Nền Tor	18/06/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	3.5	2.25	0.25	1,0		7.00	
274	42027	Nguyễn Thiên Ngân	06/05/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	9	8.5	8			25.50	
275	42027	Nguyễn Thị Trúc Ngân	05/10/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	4.25	5.25	3.25	1,0		13.75	
276	42027	H Nghiệp Teh	08/04/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	5.25	6.25	4	1,0		16.50	
277	42028	Lê Nguyễn Khánh Ngọc	01/03/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	5.25	6.75	7	1,0		20.00	
278	42028	Nguyễn Khánh Ngọc	23/10/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	4.75	5.75	4.75	1,0		16.25	
279	42028	Nguyễn Thanh Bảo Ngọc	28/12/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	2.75	5.5	5	1,0		14.25	
280	42028	Huỳnh Thị Bảo Ngọc	08/02/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	5	6.75	3.75			15.50	
281	42028	Phạm Thị Khánh Ngọc	14/06/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	3	4.75	2.75	1,0		11.50	
282	42028	Bùi Khắc Nguyên	30/08/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	5.5	5.25	4.5	1,0		16.25	
283	42028	H Nguyễn Hlong	07/09/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	3.75	3	0.75	1,0		8.50	
284	42028	H Nguyễn Lưk	23/07/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.25	2.5	0.5	1,0		7.25	
285	42028	Nguyễn Phạm Minh Hải	10/07/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	3.25	2.75	2.5	1,0		9.50	
286	42028	Nguyễn Thị Nguyệt	11/09/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	4.25	6	3.5	1,0		14.75	
287	42029	Phạm Thị Thanh Nhân	02/10/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.75	4	5	1,0		13.75	
288	42029	Mai Xuân Thiện Nhân	22/06/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	2.75	5.25	1.5	1,0		10.50	
289	42029	H Nhạt Jiê	31/10/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	5	7	4	1,0		17.00	
290	42029	Nông Minh Nhật	07/10/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	4	7	5	1,0		17.00	
291	42029	H Nhea Triêk	18/08/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.5	5.75	3.25	1,0		13.50	
292	42029	Lê Nguyễn Lan Nhi	01/12/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	8.5	8.25	4.75			21.50	
293	42030	Võ Đoàn Yên Nhi	18/05/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	6.75	7.5	7	1,0		22.25	
294	42029	Nguyễn Hà Nhi	21/11/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	6	7.5	6.75	1,0		21.25	
295	42030	Huỳnh Phạm Thùy Nhi	28/02/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	5	5.5	8.25	1,0		19.75	
296	42029	Hà Thị Diễm Nhi	20/11/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắc	6	7.5	5.25			18.75	
297	42030	Trần Huyền Nhi	23/11/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	5.25	6.25	4.75	1,0		17.25	
298	42029	H' Du Yên Nhi	23/02/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắc	4	4.5	1.5	1,0		11.00	
299	42030	H Yên Nhi Bkrông	22/04/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	1.5	6.25	1.75	1,0		10.50	
300	42030	H Nhi Sruk	06/04/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	1.75	4.75	1.5	1,0		9.00	
301	42030	H Nhu Dăk Căt	06/05/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	5.5	7	4.5	1,0		18.00	
302	42031	Lê Huỳnh Như	31/08/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	7.25	7.5	5.25	1,0		21.00	
303	42031	Phạm Thị Như	12/03/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	4.25	5.5	5.25	1,0		16.00	
304	42031	Đỗ Phạm Quỳnh Như	29/09/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	2.75	6.5	4.75	1,0		15.00	
305	42031	Lê Ngọc Quỳnh Như	17/05/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.25	7.25	4	1,0		15.50	
306	42030	Hoàng Ngọc Như	19/06/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	2.5	6.5	3			12.00	
307	42030	Lê Trang Nhung	02/11/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.5	7	4			14.50	
308	42030	Trần Thị Hồng Nhung	27/06/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	2.75	4.75	2.75	1,0		11.25	
309	42030	H Nhung Teh	02/01/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	2	3.25	0.25	1,0		6.50	
310	42031	Y Nich Uông	07/04/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	2	6	1.5	1,0		10.50	
311	42031	H Nương Bkrông	02/10/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3	2.25	0.5	1,0		6.75	
312		H' Nv Bkrông	03/04/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắc				1,0		1.00	
313	42031	Phạm Thị Kiều Oanh	19/04/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	4.75	7.25	6.75	1,0		19.75	
314	42031	H Phần Báp	16/08/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.75	6.5	4.75	1,0		16.00	
315	42031	Lâm Trường Phát	01/02/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	6.25	6.75	5.5			18.50	
316	42032	H Phần Long Dìng	18/07/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.25	3.25	1	1,0		8.50	
317	42032	Y Phi La Ông	01/11/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3	2.5	1	1,0		7.50	
318	42032	Y Phom Liêng	12/01/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.25	3.25	0.25	1,0		7.75	
319	42032	Nguyễn Thanh Phong	03/06/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	2.25	6.5	4.75	1,0		14.50	
320	42032	Phạm Chấn Phong	30/04/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	3.5	5	3.5	1,0		13.00	
321	42032	Trần Hữu Như Ngọc Phúc	21/03/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	4.75	7.5	7.25	1,0		20.50	
322	42032	Phạm Đăng Thanh Phúc	17/04/201	TRƯỜNG THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắc	2.5	6	3.5	1,0		13.00	
323	42033	Nguyễn Trọng Phước	30/08/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắc	3.25	4.5	5			12.75	
324	42033	Nông Thị Minh Phương	18/02/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	7.25	7	4.75	1,0		20.00	
325	42033	Hà Thị Thanh Phương	26/09/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắc	3.75	4.75	2.75			11.25	
326	42033	Ta Nguyễn Trúc Phương	02/11/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	4	5	2.5	1,0		12.50	
327	42033	Lê Thị Phương	12/12/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	6.5	4.5	3.5			14.50	
328	42033	Nguyễn Minh Quân	10/11/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	4.25	7.25	6.75			18.25	
329	42033	Y Quân Triêk	25/04/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	1.75	4	0.5	1,0		7.25	
330	42033	H Quê Je	29/08/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	4.5	6.5	2.75	1,0		14.75	
331	42033	Nguyễn Duy Quốc	24/07/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	3.75	5.58	4.5	1,0		14.83	
332	52047	Du Hà Thiên Quý	18/05/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	4.5	5.5	2.5	1,0		13.50	
333	42034	Phạm Văn Quý	28/04/201	TRƯỜNG THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắc	4	6	2.5	1,0		13.50	
334	42034	H Quỳnh Du	30/08/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	2.5	5.5	1.75	1,0		10.75	
335	42034	Bùi Thị Diễm Quỳnh	19/09/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	7	6.5	6.5	1,0		21.00	
336	42034	Trần Diễm Quỳnh	23/08/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.5	5	4.25			12.75	
337		Ma Thị Như Quỳnh	08/10/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắc				1,0		1.00	
338	42034	H Ra Hap Je	09/09/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3.5	5.25	4.5	1,0		14.25	
339	42034	H Rô Uyn Kuan	03/10/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3	3	1	1,0		8.00	
340	42035	H Săn Jiê	04/07/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	1.5	3.75	0.5	1,0		6.75	
341	42034	H' Sao Huyền Trang Kman	12/05/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	4.75	5.5	0.5	1,0		11.75	
342	42035	H' Sao Vi Păng Sur	15/07/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3	7	2.5	1,0		13.50	
343	42035	H Sô A Sruk	17/07/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	2.5	5.75	1.75	1,0		11.00	
344	42035	Y Soa Hlong	21/02/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	2.75	4.75	2.25	1,0		10.75	
345	42035	Y Suyen Liêng Hót	30/07/200	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	3.25	0.75	0.25	1,0		5.25	
346	42035	Sùng Seo Sỷ	28/12/200	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	3.75	2.75	1.5	1,0		9.00	
347	42035	Lại Văn Tài	02/04/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	3.5	4	2.75	1,0		11.25	
348	42036	Nguyễn Ngô Minh Tâm	04/04/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	8.75	8.25	9			26.00	
349	42036	Bùi Thị Thanh Tâm	18/06/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	2.75	6.5	4.75	1,0		15.00	
350	52050	H Tâm Nom	27/09/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	4.25	5.75	1	1,0		12.00	
351	42036	H Tha Ly Du	01/04/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3	4.5	1	1,0		9.50	
352	42036	Y Thái Cũl	19/01/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắc	1.5	2.75	0.25	1,0		5.50	

353	42037	H' Thẩm - Èung	26/01/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	3	2.25	0.5	1.0		6.75	
354	42037	Phan Bá Thắng	01/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	4.5	8	6		0.5	19.00	
355	42037	Nguyễn Trọng Thắng	02/12/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	4	5.5	4.5	1.0		15.00	
356	42037	Nguyễn Văn Thắng	28/08/201	TRƯỜNGTHỨTHCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắk	4	5.75	5	1.0		15.75	
357	42037	Lê Văn Thắng	11/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	3.25	6.75	5			15.00	
358	42037	Y Thắng Buôn	22/01/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	1.75	2.75	0.25	1.0		5.75	
359	42036	Lê Thị Thảo	03/02/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	3.75	6	4			13.75	
360	42036	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	07/07/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	4.25	6.25	3.5			14.00	
361	42036	Lê Thảo Pang Ting	06/09/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3.75	6.25	2.75	1.0		13.75	
362	42036	Đỗ Nguyễn Ngọc Thảo	01/12/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	3	7	2			12.00	
363	42037	Phạm Thị Thu Thảo	11/09/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	2.25	4.5	2.25	1.0		10.00	
364	42037	Nguyễn Bảo Thi	23/07/201	TRƯỜNGTHỨTHCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắk	3.75	5.75	3	1.0		13.50	
365	42037	H Thị Tor	27/07/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	4	4	2.25	1.0		11.25	
366	42038	H Thị Nôm	31/10/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3.25	2.25	0.75	1.0		7.25	
367	42038	Y Thích Tor	12/03/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	2.75	4	1	1.0		8.75	
368	42038	Y Thiên Kman	28/07/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	3.5	4.75	0.5	1.0		9.75	
369	42038	Hà Thiên Liêng	29/04/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	3	4	1	1.0		9.00	
370	42038	Y' Thiện Tor	09/03/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	2.5	4.75	1	1.0		9.25	
371	42038	Y Thiết Hlong	24/12/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	2	1.75	0.5	1.0		5.25	
372	42038	Trần Đức Thịnh	17/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	2.75	7	5			14.75	
373	42039	Phạm Anh Thơ	25/03/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắk	2.75	5.5	1.5			9.75	
374	42038	Phạm Lan Thoa	20/06/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	9.5	7.5	8			25.00	
375	42039	Nguyễn Thị Thom	02/09/201	TRƯỜNGTHỨTHCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắk	2.5	5.25	1.75	1.0		10.50	
376	42039	H Thom Hồng	13/10/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	2.75	3.75	0.5	1.0		8.00	
377	52052	H Thom Hồng	13/10/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk	3.25	5.75	1.25	1.0		11.25	
378	42039	Đỗ Đình Thông	22/09/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	4.75	8.5	6.5	1.0		20.75	
379	42039	H Thu Mbon	21/02/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3	5.5	0.5	1.0		10.00	
380	42039	H Thu Liêng Hót	11/12/200	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	2.5	4.5	0.5	1.0		8.50	
381	42040	Bùi Thị Minh Thu	01/06/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	8.25	8	8.25	1.0		25.50	
382	52053	H Thư Bkrông	17/11/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	3.5	5.5	2.75	1.0		12.75	
383	42040	Nguyễn Lương Anh Thư	20/11/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3	5.25	3.5	1.0		12.75	
384	42040	Nguyễn Võ Anh Thư	29/05/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	2.25	5	5.25			12.50	
385	42040	H Thư Luk	05/07/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3.25	4.5	1.75	1.0		10.50	
386	42040	Phạm Lê Anh Thư	27/04/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	6	6.33	6.5			18.83	
387	42039	Yang Thu Èung	21/09/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	3.25	6.5	4	1.0		14.75	
388	42039	Y Thuận Tor	12/10/200	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3.25	2.75	0.5	1.0		7.50	
389	42041	Y Thức K Măn	29/10/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3.25	4.25	0.5	1.0		9.00	
390	42041	Y - Thức H Mók	01/08/200	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	3	3.75	0.25	1.0		8.00	
391	42041	Phạm Thị Thương	07/06/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắk	4.75	7.25	4.75			16.75	
392	42041	Lương Thị Hoàì Thương	29/09/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắk	4	7.25	4			15.25	
393	42040	Nguyễn Thị Thủy	30/04/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	7	7.25	7.5	1.0		22.75	
394	42040	Mai Phương Thủy	08/10/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	3	4.25	1.75	1.0		10.00	
395	42040	H Thủy Triêk	11/05/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	4.5	6.75	3.5	1.0		15.75	
396	42040	H Thủy Bkrông	25/03/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	2.5	2	0.25	1.0		5.75	
397	42041	Lê Trần Bảo Thy	25/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	7	7	3.5			17.50	
398	42041	H Bảo Thy Bkrông	12/10/201	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	2.5	4.5	1	1.0		9.00	
399	42041	Nguyễn Thủy Tiên	17/10/201	THCS và THPT Đông Du	Thành phố Buôn Ma Thuột	9.5	8	8.25			25.75	
400	42041	Đỗ Trần Thị Ngọc Tiên	29/06/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	5.25	6	3	1.0		15.25	
401	42042	Phạm Quốc Tiên	02/06/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	1.5	7.25	7			15.75	
402	42042	Cù Hoàng Tiên	28/05/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	3.75	7	2.5			13.25	
403	42042	Nguyễn Đức Tiên	11/01/201	TRƯỜNGTHỨTHCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắk	2.75	6.25	0.5	1.0		10.50	
404	42042	Y Tín Je	10/09/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3.5	4.5	1.25	1.0		10.25	
405	42042	Y Tinh Du Mók	02/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	2.5	4	1.25	1.0		8.75	
406	42042	Nguyễn Ngọc Toàn	25/06/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3	6	4.75	1.0		14.75	
407	42043	H Tra Bkrông	21/11/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	4.25	3	1	1.0		9.25	
408	42043	Phan Thị Hương Trà	29/09/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3	4.75	2	1.0		10.75	
409	42044	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	13/05/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	3	6.25	5.5	1.0		15.75	
410	42044	Đinh Thị Bích Trâm	14/02/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắk	2.75	3.75	4.25			10.75	
411	42044	H Trần Sruk	05/12/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	3	5.75	1.25	1.0		11.00	
412	42043	Lã Thị Thu Trang	16/09/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	5.5	6.5	4	1.0		17.00	
413	42043	Trần Thảo Trang	24/09/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	7.5	6.25	5			18.75	
414	42043	Nguyễn Trần Huyền Trang	28/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	3.25	5.75	5			14.00	
415	42044	Võ Thị Huyền Trang	17/04/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3	6.25	3.75	1.0		14.00	
416	42043	Lê Huyền Trang	18/08/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	4.75	6.5	2.25			13.50	
417	42043	Nguyễn Lê Phương Trang	21/12/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3.5	4.5	2	1.0		11.00	
418	42043	H Trang Èban	17/11/200	THCS Lê Lợi	Huyện Lắk	2.75	1	0.5	1.0		5.25	
419	52054	H' Bảo Trang Hmók	13/10/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắk	4.5	4	2.5	1.0		12.00	
420	42044	Thủy Trang Du Kbuor	20/07/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	6.5	8	4.75	1.0		20.25	
421	42044	Đỗ Hữu Trí	26/11/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	2.75	5.25	6	1.0		15.00	
422	42044	Nguyễn Minh Trí	15/11/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	7.5	8.5	6.5			22.50	
423	52055	Y - Trí Pang Ting	25/10/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	2	3	1	1.0		7.00	
424	42045	Nguyễn Thị Nhâ Trúc	06/05/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắk	4.25	7	3.75			15.00	
425	42045	H Trúc Ông	08/07/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	2.5	6.75	4.25	1.0		14.50	
426	42045	H Trúc Ông	01/01/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	5.5	5	2.75	1.0		14.25	
427	42045	H Trúc Mbuon	10/02/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắk	2.25	8	2.75	1.0		14.00	
428	52056	H Trúc Triêk	18/12/200	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắk	3.25	5.5	3	1.0		12.75	
429	42045	Nguyễn Thị Thanh Trúc	07/10/201	TRƯỜNGTHỨTHCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắk	3	6	3.75	1.0		13.75	
430	42045	Ngô Kiên Trung	30/03/201	THCS và THPT Đông Du	Thành phố Buôn Ma Thuột	7.75	7.75	8.75			24.25	
431	42045	Võ Chí Trung	22/03/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	4.5	4	2.75	1.0		12.25	
432	42045	Y Trương Phók	17/08/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	2	4.75	0.75	1.0		8.50	
433	42045	Trịnh Duy Trường	02/10/201	THCS và THPT Đông Du	Thành phố Buôn Ma Thuột	3.5	4.75	4			12.25	
434	42046	Bùi Đỗ Xuân Tú	26/09/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	4.75	5.25	5.5			15.50	
435	42046	Nguyễn Thiên Tú	24/10/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắk	3	4.25	2.75	1.0		11.00	
436	42046	Bùi Trương Minh Tuấn	19/05/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	4	6.25	6.25			16.50	
437	42046	Phạm Đăng Tuấn	09/11/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắk	3.5	5.75	1.75			11.00	
438	42046	Nguyễn Quốc Tuấn	07/05/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắk	3	3.25	4.5	1.0		11.75	
439	42046	Nguyễn Gia Tuê	02/03/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắk	3.5	6.25	4.5	1.0		15.25	
440	42046	Trần Quang Tuê	04/08/201	TRƯỜNGTHỨTHCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắk	2	5.25	1.5	1.0		9.75	
441	42046	Lê Việt Tùng	01/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	5.75	4.5	7.5			17.75	
442	42047	Phan Dương Cát Tường	04/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắk	7	5.25	4			16.25	

443	42047	Hồ Trần Cát Tường	20/11/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	4.25	5	5.75	1.0		16.00	
444	42047	Đặng Duy Tường	07/03/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.25	6.25	2.75			12.25	
445	42047	Lê Thị Thanh Tuyền	20/04/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	4	4.75	2.75	1.0		12.50	
446	42046	Nguyễn Trọng Tuyền	13/02/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	2.25	4.75	2	1.0		10.00	
447	42047	H Tuyết Rõng	20/08/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	2	2.25	1	1.0		6.25	
448		Hà Thị Tuyết Nhi Ông	05/08/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắc				1.0		1.00	
449	42047	H Úc Teh	20/07/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.5	3	0.5	1.0		8.00	
450	42047	H Ương A Yün	29/10/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	4.25	5	0.5	1.0		10.75	
451	42047	Đinh Hà Phương Uyên	27/02/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.5	7	5			15.50	
452	52057	H Uyñ Kuan	17/05/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	2.75	5.75	2.5	1.0		12.00	
453	42048	Nguyễn Như Văn	15/04/201	THCS và THPT Đông Du	Thành phố Buôn Ma Thuột	8.75	6.75	7.75			23.25	
454	42048	Nguyễn Thị Hà Vi	01/01/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	3.75	5.75	3.75	1.0		14.25	
455		H' Vi Bkrông	07/12/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắc				1.0		1.00	
456	42048	H Việt Đak Cắt	25/12/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	2.75	5.75	3.5	1.0		13.00	
457	42048	Nguyễn Lê Việt	13/07/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắc	2.75	6	1.25			10.00	
458	42048	Y' Việt H' Đok	31/12/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.25	4.75	2.5	1.0		11.50	
459	42048	Nguyễn Quang Vinh	27/09/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	10	8.5	8			26.50	
460	42048	Y' Vinh Hmök	20/05/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3	3.5	1.25	1.0		8.75	
461	42048	Trần Nguyễn Vũ	03/06/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	2	4.75	4	1.0		11.75	
462		Nông Hoàng Vũ	19/06/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắc				1.0		1.00	
463		Tảo Minh Vũ	01/02/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắc				1.0		1.00	
464	42048	H' Vươn A Yün	14/11/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	2.5	4.75	1.25	1.0		9.50	
465	42049	H Vươt Trei	01/10/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	2	3.75	0.25	1.0		7.00	
466	42049	Nguyễn Thảo Vy	10/10/201	THCS Lê Quý Đôn	Huyện Lắc	7	6	6.75	1.0		20.75	
467	42049	Phạm Thị Tường Vy	25/04/201	THCS NGUYỄN ĐỨC CANH	Huyện Lắc	6.25	8	5.5			19.75	
468	42049	Hoàng Thị Tường Vy	01/01/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	4	5.75	2	1.0		12.75	
469	42049	Nguyễn Thị Hà Vy	08/06/201	TRƯỜNG THCS Lê Đình Chinh	Huyện Lắc	3.5	4.5	1.25	1.0		10.25	
470	52059	H Wa Lin Triêk	26/07/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.5	4.5	2.25	1.0		11.25	
471	42049	H Xoa Păng Sur	29/01/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	3	4	1	1.0		9.00	
472	42049	H Xuân Sruk	28/06/201	THCS Võ Thị Sáu	Huyện Lắc	5	5.75	2.25	1.0		14.00	
473	42049	Nguyễn Thị Như Xuân	28/04/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3	5.25	2			10.25	
474		Niê Ya Luyñ Kbuôr	27/09/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc				1.0		1.00	
475	42050	Đinh Thị Yên	27/10/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	3.5	7.25	2.75	1.0		14.50	
476	42049	Hoàng Kim Yên	13/07/201	THCS NGUYỄN TRÃI	Huyện Lắc	4	6.75	3.75			14.50	
477	42050	H Yên Teh	01/05/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	1.75	2.5	1	1.0		6.25	
478		Hoàng Ngọc Hải Yên	31/12/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắc				1.0		1.00	
479	42050	H Yiong Luk	27/01/201	THCS CHU VĂN AN	Huyện Lắc	3.5	4.25	1.75	1.0		10.50	
480	42050	Y Yô Sia Buôn Krông	20/01/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	2.25	3.5	0.5	1.0		7.25	
481	42050	Y Yok Hlông	17/05/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	2.75	4.5	0.5	1.0		8.75	
482	52061	Rơ Lick Bui Zen Ny	22/08/201	PTDT NỘI TRÚ THCS HUYỆN LẮK	Huyện Lắc	4	4.25	2.25	1.0		11.50	
483	42050	Y Zì Min Ưông	25/12/201	THCS Nguyễn Viết Xuân	Huyện Lắc	2.5	2.5	1.25	1.0		7.25	
484	42050	H Zil Yün Dong Jri	14/04/201	THCS Nguyễn Du	Huyện Lắc	2.75	4	1	1.0		8.75	

Danh sách này gồm: 484 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Đắk Lắk, ngày 1 tháng 7 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI